

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2024

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

2. Ông **Trần Văn Thạch**

Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P.T.T.H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 297, đường Châu Văn Liêm, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh L.C.N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 297, đường Châu Văn Liêm, khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P.T.T.H trình bày:** Chị H và anh N chung sống vợ chồng từ năm 2006, là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng, không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay hiện tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nên chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên L.T.Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2009, L.T.H.N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Hiện cháu Q đang sống chung với anh N, cháu N đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu N, chị H giao cháu Q cho anh N nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh L.C.N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị P.T.T.H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L.C.N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị P.T.T.H và anh L.C.N thấy rằng: Chị P.T.T.H và anh L.C.N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 2006, được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị H trình bày vợ chồng chung sống không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc. Riêng anh N đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện anh N bỏ mặc tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, chăm sóc, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên L.T.Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2009, L.T.H.N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị H giao cháu Q cho anh N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Cháu L.T.Q có nguyện vọng được sống với ba, cháu L.T.H.N có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu N đang sống với chị H, cháu Q đang sống chung với anh N, các cháu đã sống quen và ổn định môi trường sống của các cháu, nên cần giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chị P.T.T.H về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn là anh L.C.N. Chị P.T.T.H được ly hôn với anh L.C.N.

2. Về con chung: Giao cho chị P.T.T.H được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.T.H.N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Giao cho anh L.C.N được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.T.Q, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2009. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm HN&GD: Chị P.T.T.H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021871 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị P.T.T.H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Huỳnh Thị Kim Lành